

## **Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam**

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023



# Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ	9
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	10 - 31

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam ("Công ty") là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập và hoạt động theo Giấy phép số 59/UBCK-GP ngày 01 tháng 10 năm 2020 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 84/GPĐC-UBCK ngày 24 tháng 12 năm 2020 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305683167 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 01 tháng 10 năm 2020 và cấp thay đổi lần thứ 2 ngày 13 tháng 12 năm 2021.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán; tư vấn đầu tư chứng khoán.

Theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 59/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 01 tháng 10 năm 2020 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305683167 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 01 tháng 10 năm 2020 và cấp thay đổi lần thứ 2 ngày 13 tháng 12 năm 2021, Công ty có trụ sở chính tại Phòng 1807-1808, tầng 18, tòa nhà mPlaza Saigon, 39 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN ("HĐTV")

Các thành viên Hội đồng thành viên của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Yun Hang Jin	Chủ tịch HĐTV	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 10 năm 2020
Ông Kim Wook	Thành viên HĐTV	Bổ nhiệm ngày 6 tháng 6 năm 2022
Ông Yang Bong Jin	Thành viên HĐTV	Bổ nhiệm ngày 6 tháng 6 năm 2022

### KIỂM SOÁT VIÊN

Kiểm soát viên của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông An Chang Mo	Kiểm soát viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 6 năm 2021

### TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Tổng Giám đốc và Kế toán Trưởng của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</u>
Ông Huỳnh Tuấn Khánh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 6 năm 2020
Bà Nguyễn Trần Thùy Trang	Kế toán Trưởng	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 1 năm 2023
Ông Nguyễn Hữu Tiến	Kế toán Trưởng	Miễn nhiệm ngày 11 tháng 1 năm 2023

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Yun Hang Jin, Chủ tịch HĐTV.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM VIỆT NAM

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM VIỆT NAM ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Ông Yun Hang Jin  
Chủ tịch Hội đồng thành viên

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2023

Số tham chiếu: 61065594/67598998-SX

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Chủ sở hữu của Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam (“Công ty”) được lập ngày 14 tháng 8 năm 2023 và được trình bày từ trang 5 đến trang 31, bao gồm bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

### ***Trách nhiệm của Ban giám đốc***

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### ***Kết luận của Kiểm toán viên***

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Vũ Tiến Dũng  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3221-2020-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2023

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM VIỆT NAM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

B01a-CTQ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>58.176.558.312</b>	<b>58.122.029.510</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>5</b>	<b>33.499.582.296</b>	<b>45.290.710.189</b>
111	1. Tiền		1.966.178.256	23.784.545.805
112	2. Các khoản tương đương tiền		31.533.404.040	21.506.164.384
<b>130</b>	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>24.163.116.343</b>	<b>12.365.562.291</b>
132	1. Trả trước cho người bán		46.366.000	-
134	2. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	6	24.085.497.466	12.088.991.320
135	3. Các khoản phải thu khác	7	31.252.877	276.570.971
<b>150</b>	<b>III. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>513.859.673</b>	<b>465.757.030</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	197.259.673	342.546.761
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	13	-	123.210.269
158	3. Phải thu ngắn hạn khác	9	316.600.000	-
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>5.377.319.413</b>	<b>6.525.277.521</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>1.844.470.405</b>	<b>2.257.840.405</b>
218	1. Phải thu dài hạn khác	9	1.844.470.405	2.257.840.405
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>1.652.145.398</b>	<b>2.153.120.154</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	1.569.342.334	2.025.151.778
222	Nguyên giá		3.533.857.121	3.486.703.421
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.964.514.787)	(1.461.551.643)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	82.803.064	127.968.376
228	Nguyên giá		267.082.000	267.082.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(184.278.936)	(139.113.624)
<b>260</b>	<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>1.880.703.610</b>	<b>2.114.316.962</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	1.880.703.610	2.114.316.962
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>63.553.877.725</b>	<b>64.647.307.031</b>
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>6.191.518.636</b>	<b>13.936.452.515</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>6.191.518.636</b>	<b>13.936.452.515</b>
312	1. Phải trả người bán		-	7.634.000
314	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	1.580.883.088	845.724.090
315	3. Phải trả người lao động	14	22.355.556	9.707.610.250
316	4. Chi phí phải trả	15	4.557.226.767	3.091.589.175
319	5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		31.053.225	283.895.000
<b>400</b>	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>57.362.359.089</b>	<b>50.710.854.516</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	16	55.000.000.000	55.000.000.000
420	2. Lãi/(lỗ) chưa phân phối		2.362.359.089	(4.289.145.484)
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>63.553.877.725</b>	<b>64.647.307.031</b>

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM VIỆT NAM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

B01a-CTQ

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
<b>030</b>	<b>I. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác</b>	<b>17</b>	<b>264.355.009.849</b>	<b>780.520.732.056</b>
031	1. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước		32.084.872.218	20.463.796.434
032	2. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác nước ngoài		232.270.137.631	760.056.935.622
<b>040</b>	<b>II. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác</b>	<b>18</b>	<b>23.367.032.689.720</b>	<b>18.915.480.015.760</b>
041	1. Nhà đầu tư ủy thác trong nước		742.612.283.700	643.244.934.000
042	2. Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài		22.624.420.406.020	18.272.235.081.760
<b>050</b>	<b>III. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác</b>	<b>19</b>	<b>2.045.720.000</b>	<b>2.697.990.000</b>
<b>051</b>	<b>IV. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác</b>	<b>20</b>	<b>28.071.335.241</b>	<b>3.383.739.358</b>

Người lập

Bà Nguyễn Trần Thùy Trang  
Kế toán Trưởng

Người kiểm soát

Bà Nguyễn Trần Thùy Trang  
Kế toán Trưởng

Phê duyệt

Ông Yun Hang Jin  
Chủ tịch Hội đồng thành viên

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2023




# Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM VIỆT NAM

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

B02a-CTQ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (Trình bày lại) VND
01	1. Doanh thu	21	39.764.280.120	42.355.518.379
10	2. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh		39.764.280.120	42.355.518.379
11	3. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán		(14.039.416.367)	(16.332.817.493)
20	4. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		25.724.863.753	26.022.700.886
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	22	856.628.788	365.460.165
22	6. Chi phí hoạt động tài chính	23	(92.416.125)	(376.068.098)
25	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(18.793.791.791)	(16.271.611.500)
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		7.695.284.625	9.740.481.453
50	9. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		7.695.284.625	9.740.481.453
51	10. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25.2	(1.043.780.052)	-
60	11. Lợi nhuận sau thuế TNDN		6.651.504.573	9.740.481.453

Người lập



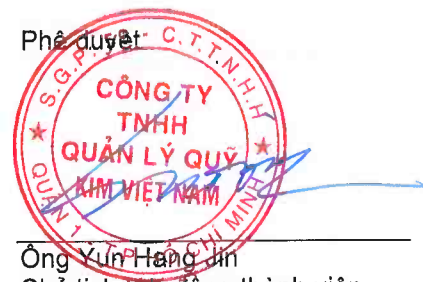
Bà Nguyễn Trần Thùy Trang  
Kế toán Trưởng

Người kiểm soát



Bà Nguyễn Trần Thùy Trang  
Kế toán Trưởng

Phê duyệt



Ông Yun Hang Lin  
Chủ tịch Hội đồng thành viên

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2023

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM VIỆT NAM

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

B03a-CTQ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND
01	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
	1. Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		27.462.072.696	32.143.019.429
02	2. Tiền chi từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		(11.298.184.692)	(8.538.605.699)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(18.208.192.219)	(16.503.507.054)
05	4. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	13	(5.881.415)	-
06	5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		657.764.751	627.049.092
07	6. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(11.077.196.666)	(11.876.264.390)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh</b>		<b>(12.469.617.545)</b>	<b>(4.148.308.622)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(47.153.700)	(16.198.000)
22	2. Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia		725.643.352	37.431.556
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>678.489.652</b>	<b>21.233.556</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>		<b>(11.791.127.893)</b>	<b>(4.127.075.066)</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	5	<b>45.290.710.189</b>	<b>37.641.622.397</b>
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	5	<b>33.499.582.296</b>	<b>33.514.547.331</b>

Người lập



Bà Nguyễn Trần Thùy Trang  
Kế toán Trưởng

Người kiểm soát



Bà Nguyễn Trần Thùy Trang  
Kế toán Trưởng

Phê duyệt



Ông Yun Hang Jin  
Chủ tịch Hội đồng thành viên

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2023

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM VIỆT NAM

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05a-CTQ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số đầu kỳ		Số tăng/(giảm) trong kỳ				Số cuối kỳ	
		Ngày 1 tháng 1 năm 2022 VND	Ngày 1 tháng 1 năm 2023 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023		Ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND	Ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND
				Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm VND		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	17	55.000.000.000	55.000.000.000	-	-	-	-	55.000.000.000	55.000.000.000
2. (Lỗ)/lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(11.292.669.771)	(4.289.145.484)	9.740.481.453	-	6.651.504.573	-	(1.552.188.318)	2.362.359.089
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>43.707.330.229</b>	<b>50.710.854.516</b>	<b>9.740.481.453</b>	<b>-</b>	<b>6.651.504.573</b>	<b>-</b>	<b>53.447.811.682</b>	<b>57.362.359.089</b>

Người lập



Bà Nguyễn Trần Thùy Trang  
Kế toán Trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2023

Người kiểm soát



Bà Nguyễn Trần Thùy Trang  
Kế toán Trưởng



Ông Yun-Hang An  
Chủ tịch Hội đồng thành viên

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

## 1. CÔNG TY

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam ("Công ty") là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập và hoạt động theo Giấy phép số 59/UBCK-GP ngày 1 tháng 10 năm 2020 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 84/GPĐC-UBCK ngày 24 tháng 12 năm 2020 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305683167 do sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 12 năm 2021.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán; tư vấn đầu tư chứng khoán.

Theo Giấy phép Thành lập và hoạt động số 59/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 1 tháng 10 năm 2020 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305683167 do sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 12 năm 2021, Công ty có trụ sở chính tại Phòng 1807-1808, Lầu 18, tòa nhà mPlaza Saigon, 39 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### *Vốn điều lệ*

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 55.000.000.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 55.000.000.000 đồng).

### *Nhân viên*

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 34 người (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 30 người).

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 *Chuẩn mực và Chế độ Kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

### 2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

### 2.3 *Niên độ kế toán*

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Công ty cũng lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 theo quy định của Thông tư số 96/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020.

### 2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam ("VND").

## 3. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Công ty cam kết đã lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ được quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

## 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 4.1 *Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh*

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 được áp dụng nhất quán với các chính sách sử dụng để lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 và báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

### 4.2 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 4.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào "Chi phí quản lý doanh nghiệp" trong kỳ.

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

## 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 4.3 Các khoản phải thu (tiếp theo)

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng được quy định trong Thông tư 48/2019/TT-BTC, được sửa đổi bởi Thông tư 24/2022/TT-BTC như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

### 4.4 Tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

### 4.5 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc, thiết bị	2 - 5 năm
Vật kiến trúc	2 - 5 năm
Phần mềm máy tính	2 - 3 năm

### 4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

- ▶ Công cụ, dụng cụ xuất dùng một lần với giá trị lớn.
- ▶ Chi phí chuyển nhượng thẻ hội viên.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**4.7 Thuê tài sản**

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu thông qua xem xét thỏa thuận này có gắn liền với việc sử dụng một tài sản nhất định và bao gồm các điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

**4.8 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**4.9 Lợi ích của nhân viên**

**4.9.1 Trợ cấp nghỉ hưu**

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17,5% lương cơ bản hàng tháng, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác.

**4.9.2 Trợ cấp thôi việc**

Theo Điều 46 của Bộ Luật Lao động số 45/2019/QH14 có hiệu lực ngày 1 tháng 1 năm 2021, Công ty có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho những nhân viên tự nguyện thôi việc. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng được tính để thanh toán trợ cấp thôi việc sẽ căn cứ theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm người lao động thôi việc.

**4.9.2 Bảo hiểm thất nghiệp**

Theo quy định hiện hành, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

## 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 4.10 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

#### *Phí quản lý*

Doanh thu được ghi nhận trên cơ sở dồn tích theo các điều kiện, điều khoản của hợp đồng quản lý đầu tư.

#### *Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

### 4.11 Thuế

#### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

#### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính giữa niên độ.

#### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.



# Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

## 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 4.12 *Vốn chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận vào tài khoản vốn góp theo giá gốc.

### 4.13 *Công cụ tài chính*

*Công cụ tài chính - Ghi nhận ban đầu và trình bày*

#### Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư dài hạn khác, phải thu từ hoạt động quản lý quỹ và phải thu khác.

#### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí phải trả và phải trả khác.

#### *Công cụ tài chính - Giá trị sau ghi nhận lần đầu*

Hiện tại, thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo giá gốc.

#### *Bù trừ các công cụ tài chính*

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ nếu, và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

### 4.14 *Các khoản mục không có số dư*

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ này theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 và Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

## 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 4.15 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

### 4.16 Vốn nhận ủy thác và tài sản ủy thác

Vốn nhận ủy thác và tài sản ủy thác hình thành từ việc sử dụng vốn nhận ủy thác từ các nhà đầu tư được ghi nhận và theo dõi trên các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán giữa niên độ của Công ty.

Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác phát sinh từ các khoản đầu tư ủy thác như: khoản lãi của khoản đầu tư ủy thác đã đến kỳ thu nhưng chưa thu được, các quyền lợi khác mà nhà đầu tư ủy thác được hưởng và các khoản phải thu khác được ghi nhận và theo dõi trên các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán giữa niên độ của Công ty.

Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác như các khoản phí phải trả cho Công ty và các khoản phải trả khác được ghi nhận và theo dõi trên các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán giữa niên độ của Công ty.

## 5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
<b>Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND</b>		
- Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam	1.459.413.617	13.401.202.870
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	502.631.887	249.107.347
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	4.132.752	10.074.069.023
<b>Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ</b>		
- Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam	-	60.166.565
<b>Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND (*)</b>		
- Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam	30.000.000.000	-
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	1.533.404.040	1.506.164.384
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	20.000.000.000
	<b>33.499.582.296</b>	<b>45.290.710.189</b>

(\*) Tiền gửi có kỳ hạn có kỳ hạn từ 1 đến 3 tháng và lãi suất từ 3,50%/năm đến 4,75%/năm.

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

## 6. PHẢI THU HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
<b>Phải thu hoạt động Quản lý Danh mục Đầu tư Chứng khoán</b>	<b>23.891.510.001</b>	<b>11.871.852.925</b>
- Korea Investment Management Co.,Ltd	15.669.746.934	4.353.596.954
- TMAM Vietnam Equity Mother Fund	8.078.594.019	6.855.028.437
- Công ty TNHH Daoukiwoom Innovation	143.169.048	97.903.365
- Covestcons Co.,Ltd.	-	417.674.114
- Nguyễn Thị Kim Quế	-	147.650.055
<b>Phải thu hoạt động Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán</b>	<b>193.987.465</b>	<b>217.138.395</b>
- Quỹ ETF KIM Growth VN30	143.476.784	183.391.823
- Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT	50.510.681	33.746.572
	<b>24.085.497.466</b>	<b>12.088.991.320</b>

## 7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Lãi dự thu	31.232.877	170.630.794
Phải thu khác	20.000	105.940.177
	<b>31.252.877</b>	<b>276.570.971</b>

## 8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Chi phí trả trước về thuê hoạt động	118.275.719	105.594.897
Chi phí mua bảo hiểm	78.983.954	236.951.864
	<b>197.259.673</b>	<b>342.546.761</b>

Biến động chi phí trả trước ngắn hạn trong kỳ như sau:

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
<b>Số đầu kỳ</b>	<b>342.546.761</b>	<b>742.850.831</b>
Tăng trong kỳ	4.545.121.579	4.604.375.776
Phân bổ trong kỳ	(4.690.408.667)	(4.648.749.064)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>197.259.673</b>	<b>698.477.543</b>

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

## 9. PHẢI THU KHÁC

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>		
Đặt cọc thuê nhà	316.600.000	-
	<b>316.600.000</b>	-
<b>Phải thu dài hạn khác</b>		
Đặt cọc thuê văn phòng	1.825.120.405	1.825.120.405
Đặt cọc thuê nhà	-	413.370.000
Đặt cọc dài hạn khác	19.350.000	19.350.000
	<b>1.844.470.405</b>	<b>2.257.840.405</b>
	<b>2.161.070.405</b>	<b>2.257.840.405</b>

## 10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị VND	Vật kiến trúc VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Ngày 1 tháng 1 năm 2023	1.643.400.300	1.843.303.121	3.486.703.421
Mua mới	47.153.700	-	47.153.700
Ngày 30 tháng 6 năm 2023	<b>1.690.554.000</b>	<b>1.843.303.121</b>	<b>3.533.857.121</b>
<b>Giá trị khấu hao lũy kế</b>			
Ngày 1 tháng 1 năm 2023	261.221.411	1.200.330.232	1.461.551.643
Khấu hao trong kỳ	216.842.163	286.120.981	502.963.144
Ngày 30 tháng 6 năm 2023	<b>478.063.574</b>	<b>1.486.451.213</b>	<b>1.964.514.787</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Ngày 1 tháng 1 năm 2023	1.382.178.889	642.972.889	2.025.151.778
Ngày 30 tháng 6 năm 2023	<b>1.212.490.426</b>	<b>356.851.908</b>	<b>1.569.342.334</b>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 132.415.000 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 0 VND).

## 11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm VND
<b>Nguyên giá</b>	
Ngày 1 tháng 1 năm 2023	267.082.000
Ngày 30 tháng 6 năm 2023	<b>267.082.000</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Ngày 1 tháng 1 năm 2023	139.113.624
Hao mòn trong kỳ	45.165.312
Ngày 30 tháng 6 năm 2023	<b>184.278.936</b>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Ngày 1 tháng 1 năm 2023	127.968.376
Ngày 30 tháng 6 năm 2023	<b>82.803.064</b>

## Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

### 12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
Chi phí thẻ hội viên	1.531.158.990	1.622.118.930
Thiết bị có giá trị nhỏ	349.544.620	492.198.032
	<b>1.880.703.610</b>	<b>2.114.316.962</b>

Biến động chi phí trả trước ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND
Số đầu kỳ	2.114.316.962	2.343.256.955
Tăng trong kỳ	15.490.000	203.716.630
Phân bổ trong kỳ	(249.103.352)	(275.611.080)
Số cuối kỳ	<b>1.880.703.610</b>	<b>2.271.362.505</b>

### 13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND
Thuế thu nhập cá nhân	586.199.493	7.202.689.149	(7.122.693.922)	666.194.720
Thuế nhà thầu nước ngoài	259.524.597	-	(259.524.597)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(123.210.269)	1.043.780.052	(5.881.415)	914.688.368
Thuế môn bài	-	3.000.000	(3.000.000)	-
	<b>722.513.821</b>	<b>8.249.469.201</b>	<b>(7.391.099.934)</b>	<b>1.580.883.088</b>

*Trong đó:*

Phải thu	123.210.269	-
Phải trả	845.724.090	1.580.883.088

### 14. PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
Trích trước lương, thưởng cho nhân viên	<b>22.355.556</b>	<b>9.707.610.250</b>

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

## 15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
Trích lương, thưởng cho nhân viên	2.841.637.592	-
Chi phí dịch vụ chuyên môn	1.126.520.640	1.072.520.640
Phần mềm	470.000.000	1.650.000.000
Chi phí thuê xe	75.000.000	75.000.000
Chi phí phải trả khác	44.068.535	294.068.535
	<b>4.557.226.767</b>	<b>3.091.589.175</b>

## 16. VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

	Theo Giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty		Ngày 30 tháng 6 năm 2023	
	Vốn điều lệ (VND)	% sở hữu	Vốn điều lệ đã góp (VND)	Vốn điều lệ chưa góp (VND)
Korea Investment Co., Ltd	<b>55.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>55.000.000.000</b>	-

## 17. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

Số dư tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
<b>Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác nước ngoài</b>	<b>232.270.137.631</b>	<b>760.056.935.622</b>
TMAM Vietnam Equity Mother Fund	112.483.155.922	344.904.313.544
KIM Vietnam Growth Equity Fund	91.532.687.369	53.767.705.671
KITMC Worldwide China Vietnam Fund	10.532.473.629	19.865.317.563
KITMC Worldwide Vietnam RSP Balance Fund	6.177.028.270	312.174.068.665
KIM Vietnam IPO Balanced Fund	5.886.056.476	14.206.356.476
Công ty TNHH Daoukiwoom Innovation	3.568.614.906	8.445.921.565
KITMC Vietnam Growth Fund	2.090.121.059	6.693.252.138
<b>Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước</b>	<b>32.084.872.218</b>	<b>20.463.796.434</b>
Covestcons Co.,Ltd.	7.703.354.873	15.828.919.585
Nguyễn Thị Kim Quế	2.665.783.536	3.312.311.406
Quỹ ETF KIM Growth VN30	49.266.912	1.034.921.452
Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT	21.666.466.897	287.643.991
	<b>264.355.009.849</b>	<b>780.520.732.056</b>

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

## 18. DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
<b>Cổ phiếu niêm yết/ chưa niêm yết</b>		
- Nhà đầu tư nước ngoài	22.624.420.406.020	18.272.235.081.760
- Nhà đầu tư trong nước	742.612.283.700	643.244.934.000
Trong đó, cổ phiếu niêm yết/ chưa niêm yết bị giảm giá/rủi ro:		
FPT	3.910.451.899.350	3.847.152.982.250
VCB	1.247.541.060.000	942.499.460.000
STB	849.451.184.850	907.537.948.350
STB	983.194.983.800	969.618.204.900
BID	683.193.678.500	901.076.319.000
CTG	86.151.135.000	40.632.845.000
GMD	43.238.000.000	66.735.780.000
MBB	9.027.697.200	15.891.260.000
VNM	7.185.000.000	-
TCB	1.469.160.000	3.161.165.000
	<b>23.367.032.689.720</b>	<b>18.915.480.015.760</b>

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

## 19. CÁC KHOẢN PHẢI THU CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
Covestcons Co.,Ltd.	775.000.000	661.060.000
Quỹ ETF KIM Growth VN30	708.620.000	571.620.000
Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT	307.100.000	21.700.000
Nguyễn Thị Kim Quế	195.000.000	1.156.910.000
Công ty TNHH Daokiwoom Innovation	60.000.000	286.700.000
	<b>2.045.720.000</b>	<b>2.697.990.000</b>

## 20. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT	22.061.148.939	245.538.562
Covestcons Co.,Ltd.	5.232.913.337	2.080.996.835
Quỹ ETF KIM Growth VN30	465.692.903	503.221.065
Nguyễn Thị Kim Quế	164.261.014	553.982.896
Công ty TNHH Daoukiwoom Innovation	147.319.048	-
	<b>28.071.335.241</b>	<b>3.383.739.358</b>

## 21. DOANH THU

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND
Doanh thu từ hoạt động quản lý danh mục đầu tư	37.614.369.047	42.099.478.036
Doanh thu từ hoạt động quản lý quỹ	1.175.279.573	256.040.343
Doanh thu từ hoạt động tư vấn đầu tư	974.631.500	-
	<b>39.764.280.120</b>	<b>42.355.518.379</b>

## 22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND
Lãi tiền gửi	718.465.186	338.960.543
Thu lãi khác	138.163.602	26.499.622
	<b>856.628.788</b>	<b>365.460.165</b>



# Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

## 23. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND</i>
Lỗ chênh lệch tỷ giá	<b>92.416.125</b>	<b>376.068.098</b>

## 24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (Trình bày lại) VND</i>
Chi phí lương nhân viên	6.601.648.626	3.622.837.824
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.288.833.985	3.580.333.022
Thù lao Hội đồng Quản trị	4.320.498.939	3.596.057.043
Chi phí thuê văn phòng	1.400.675.657	1.344.084.785
Chi phí thuê xe	650.879.481	520.487.690
Chi phí thuê nhà	934.432.194	932.370.215
Chi phí khấu hao tài sản cố định	548.128.456	367.713.852
Thuế, phí và lệ phí	122.168.179	304.174.380
Chi phí khác	926.526.274	2.003.552.689
	<b>18.793.791.791</b>	<b>16.271.611.500</b>

## 25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty tạm tính thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") với mức thuế suất là 20% lợi nhuận tính thuế trong kỳ theo quy định hiện hành (kỳ trước: 20%).

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

### 25.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ trước và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

## Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

### 25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

#### 25.2 Chi phí thuế TNDN

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>7.695.284.625</b>	<b>9.740.481.453</b>
<b>Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty</b>	<b>1.539.056.925</b>	<b>1.948.096.291</b>
Khoản điều chỉnh tăng		
- Chi phí không được trừ	87.240.507	-
- Doanh thu không chịu thuế	168.670.784	39.260.106
Khoản điều chỉnh giảm		
- Chi phí trích trước	(751.188.165)	-
- Chi phí không được trừ năm trước	-	(520.780.000)
<b>Chi phí thuế TNDN ước tính</b>	<b>1.043.780.052</b>	<b>1.466.576.397</b>
Lỗi kỳ trước chuyển sang	-	(1.871.967.960)
Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	-	405.391.563
<b>Chi phí thuế TNDN trong kỳ</b>	<b>1.043.780.052</b>	<b>-</b>

### 26. THUYẾT MINH BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND
Công ty Korea Investment Management Co., Ltd	Công ty mẹ	Doanh thu từ hoạt động quản lý danh mục đầu tư	21.727.437.004	29.104.645.580
Quỹ ETF KIM VN Growth VN30	Quỹ được quản lý bởi KIM VN	Doanh thu từ hoạt động quản lý quỹ	950.443.095	256.040.343
QUỸ ETF KIM Growth VNFINSELECT	Quỹ được quản lý bởi KIM VN	Doanh thu từ hoạt động quản lý quỹ	224.836.478	-

## Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

### 26. THUYẾT MINH BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan tại thời điểm cuối kỳ như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i> VND	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i> VND
Công ty Korea Investment Management Co., Ltd	Công ty mẹ	Phải thu từ hoạt động quản lý danh mục đầu tư	15.669.746.934	4.353.596.954
Quỹ ETF KIM VN GrowthVN30	Quỹ được quản lý bởi KIM VN	Phải thu từ hoạt động quản lý quỹ	143.476.784	183.391.823
QUỸ ETF KIM Growth VNFINSELECT	Quỹ được quản lý bởi KIM VN	Phải thu từ hoạt động quản lý quỹ	50.510.681	33.746.572

#### *Các giao dịch với các bên liên quan khác:*

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i> VND	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i> VND
Hội đồng Quản trị	4.320.498.939	3.596.057.043
Ban Giám đốc	932.439.578	665.015.000

### 27. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng, thuê xe, thuê nhà theo hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i> VND	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i> (trình bày lại) VND
Đến 1 năm	1.288.998.000	1.477.839.000
Từ 1 đến 5 năm	8.922.755.828	12.795.070.959
	<b>10.211.753.828</b>	<b>14.272.909.959</b>

## 28. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

### 28.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi và các khoản phải thu khác.

#### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 vì các khoản tiền gửi của Công ty có lãi suất cố định.

### 28.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu.

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại mỗi năm lập báo cáo tài chính giữa niên độ là giá trị ghi sổ như trình bày tại *Thuyết minh số 5* và *Thuyết minh số 6*. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

### 28.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

## 28. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### 28.3 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các tài sản và nợ phải trả của Công ty:

	Bắt kỳ thời điểm nào VND	Dưới 3 tháng VND	Từ 3 tháng đến 1 năm VND	Từ 1 năm đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
<b>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</b>					
<b>Tài sản tài chính</b>					
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.966.178.256	31.533.404.040	-	-	33.499.582.296
Trả trước cho người bán	46.366.000	-	-	-	46.366.000
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	-	24.085.497.466	-	-	24.085.497.466
Phải thu ngắn hạn khác	31.252.877	113.366.000	249.600.000	-	394.218.877
Phải thu dài hạn khác	19.350.000	-	-	1.825.120.405	1.844.470.405
	<b>2.063.147.133</b>	<b>55.732.267.506</b>	<b>249.600.000</b>	<b>1.825.120.405</b>	<b>59.870.135.044</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>					
Chi phí phải trả	-	4.557.226.767	-	-	4.557.226.767
Phải trả ngắn hạn khác	-	31.053.225	-	-	31.053.225
	-	<b>4.588.279.992</b>	-	-	<b>4.588.279.992</b>
<b>Trạng thái thanh khoản ròng</b>	<b>2.063.147.133</b>	<b>51.143.987.514</b>	<b>249.600.000</b>	<b>1.825.120.405</b>	<b>55.281.855.052</b>

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

**28. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**28.3 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)**

**Ngày 31 tháng 12 năm 2022**

**Tài sản tài chính**

Tiền và các khoản tương đương tiền  
 Phải thu hoạt động nghiệp vụ  
 Phải thu ngắn hạn khác  
 Phải thu dài hạn khác

	Bắt kỳ thời điểm nào VND	Dưới 3 tháng VND	Từ 3 tháng đến 1 năm VND	Từ 1 năm đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
	23.784.545.805	21.506.164.384	-	-	45.290.710.189
	-	12.088.991.320	-	-	12.088.991.320
	276.570.971	-	-	-	276.570.971
	19.350.000	163.770.000	249.600.000	1.825.120.405	2.257.840.405
	<b>24.080.466.776</b>	<b>33.758.925.704</b>	<b>249.600.000</b>	<b>1.825.120.405</b>	<b>59.914.112.885</b>

**Nợ phải trả tài chính**

Phải trả hoạt động nghiệp vụ  
 Phải trả người lao động  
 Chi phí phải trả

	-	7.634.000	-	-	7.634.000
	-	1.521.331.754	8.186.278.496	-	9.707.610.250
	-	3.091.589.175	-	-	3.091.589.175
	-	<b>4.620.554.929</b>	<b>8.186.278.496</b>	-	<b>12.806.833.425</b>
	<b>24.080.466.776</b>	<b>29.138.370.775</b>	<b>(7.936.678.496)</b>	<b>1.825.120.405</b>	<b>47.107.279.460</b>

**Trạng thái thanh khoản ròng**

## Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

### 29. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND	Ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền (a)	33.499.582.296	45.290.710.189	33.499.582.296	45.290.710.189
Trả trước cho người bán	46.366.000	-	(b)	(b)
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	24.085.497.466	12.088.991.320	(b)	(b)
Phải thu dài hạn khác	1.844.470.405	2.257.840.405	(b)	(b)
Phải thu ngắn hạn khác	394.218.877	276.570.971	(b)	(b)
	<b>59.870.135.044</b>	<b>59.914.112.885</b>		
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Chi phí phải trả	4.557.226.767	3.091.589.175	(b)	(b)
Phải trả ngắn hạn khác	31.053.225	283.895.000		
	<b>4.588.279.992</b>	<b>3.375.484.175</b>		

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phân ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bất buộc phải bán hoặc thanh lý.

- (a) Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do chủ yếu những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- (b) Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính này không thể xác định được do các Chuẩn mực kế toán và Hệ thống kế toán Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính.

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

## 30. TRÌNH BÀY LẠI SỐ LIỆU SO SÁNH

Trong kỳ, Công ty đã điều chỉnh một số khoản mục trong báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 để sửa chữa các sai sót của kỳ trước, cụ thể như sau:

Ảnh hưởng đến báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ:

Mã số	CHỈ TIÊU	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND (đã trình bày)	Điều chỉnh VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND (trình bày lại)
01	1. Doanh thu	42.355.518.379	-	42.355.518.379
10	2. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	42.355.518.379	-	42.355.518.379
11	3. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	-	(16.332.817.493)	(16.332.817.493)
20	4. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	42.355.518.379	(16.332.817.493)	26.022.700.886
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	365.460.165	-	365.460.165
22	6. Chi phí hoạt động tài chính	(376.068.098)	-	(376.068.098)
25	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	(32.604.428.993)	16.332.817.493	(16.271.611.500)
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	9.740.481.453	-	9.740.481.453
50	9. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	9.740.481.453	-	9.740.481.453
60	10. Lợi nhuận sau thuế TNDN	9.740.481.453	-	9.740.481.453



# Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

## 31. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

Người lập

Người kiểm soát

Phê duyệt



Bà Nguyễn Trần Thùy Trang  
Kế toán Trưởng

Bà Nguyễn Trần Thùy Trang  
Kế toán Trưởng

Ông Yun Hang Jin  
Chủ tịch Hội đồng thành viên

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2023

